

Bản án số: 60/2018/HS-ST

Ngày 23-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ương

Thẩm phán: Nông Biên Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Đức Tôn.

Bà Nông Thị Hồng Phương.

Ông Lâm Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Ngọc Sơn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2018/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 537/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2018 **đối với các bị cáo:**

1. Đặng Thị VA, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1980 tại thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT: tổ 21, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ Liên đoàn lao động tỉnh Cao Bằng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng QH, sinh năm 1951 và bà: Phan Thị L, sinh năm 1957; Chồng: Đinh Ngọc K, sinh năm 1980 (Đã ly hôn năm 2016) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/7/2018 hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Nguyễn Thị M, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1970 tại huyện TA, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT: tổ 06, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn T – Sinh năm 1939 (Đã chết năm 2007) và bà: Nông Thị I – Sinh năm 1942 (Đã chết năm 1980); Chồng: Nông Văn R (Đã ly hôn năm 2018) và có 01 con, sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/7/2018, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Bà BC1 – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư MAG – Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng – bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị M theo quy định của pháp luật. Có mặt.

2. Bà BC2 – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư BC2 – Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng – bào chữa cho bị cáo Đặng Thị VA theo quy định của pháp luật. Có mặt.

- Bị hại:

1. BH1, sinh năm 1958.

Trú tại: tổ 04, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. BH2, sinh năm 1983.

Trú tại: xóm ĐQ, xã HĐ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

3. Vợ chồng BH3, sinh năm 1969 và BH3', sinh năm 1965.

Trú tại: tổ 02, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. BH4, sinh năm 1964.

Trú tại: xã QT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

5. BH5, sinh năm 1970.

Trú tại: Xóm PN, xã HQ, huyện QU, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

6. BH6, sinh năm 1958.
Trú tại: tổ 01, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
7. BH7, sinh năm 1987.
Trú tại: Xóm NT, xã Đức H, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
8. BH8, sinh năm 1959.
Trú tại: Xóm KT, xã Phan T, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
9. BH9, sinh năm 1985.
Trú tại: tổ 02, DH, thị trấn NH, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
10. BH10, sinh năm 1981.
Trú tại: tổ 23, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
11. BH11, sinh năm 1966.
Trú tại: Xóm ND, xã Đức L, huyện TA, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
12. BH12, sinh năm 1987.
Trú tại: Xóm MD, xã LL, huyện TA, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
13. BH13, sinh năm 1975.
Trú tại: xã HĐ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
14. BH14, sinh năm 1991.
Trú tại: xóm LV, thị trấn Thông N, huyện Thông N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
15. BH15, sinh năm 1981.
Trú tại: tổ 16, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
16. BH16, sinh năm 1991.
Trú tại: xóm KC, xã ĐN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
17. BH17, sinh năm 1967.
Trú tại: xóm NĐ, xã MK, huyện TA, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
18. BH18, sinh năm 1990.
Trú tại: xóm AM, xã Tam K, huyện NB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
19. BH19, sinh năm 1973.
Trú tại: xóm GD, xã Quang T, huyện NB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
20. BH20, sinh năm 1972.
Trú tại: xóm NR, xã Tam K, huyện NB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
21. BH21, sinh năm 1974.
Trú tại: thị trấn Hòa T, huyện PH, tỉnh Cao Bằng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

22. BH22, sinh năm 1965.

Trú tại: tổ 11, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

23. BH23, sinh năm 1971.

Trú tại: thị trấn Tà L, huyện PH, tỉnh Cao Bằng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

24. BH24, sinh năm 1971.

Trú tại: Xóm BC, thị trấn Hòa T, huyện PH, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

25. Đặng Thị VA, sinh năm 1980.

Trú tại: tổ 21, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. NLC1, sinh năm 1976.

Trú tại: tổ 14, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt

2. NLC2, sinh năm 1968.

Trú tại: tổ 06, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3. NLC3, sinh năm 1982.

Trú tại: xóm ĐĐ, thị trấn N, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

4. NLC4, sinh năm 1985.

Trú tại : xóm ĐQ, xã HĐ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

5. NLC5, sinh năm 1979.

Trú tại: khu I, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

6. NLC6, sinh năm 1959.

Trú tại: thị trấn Hòa T, huyện PH, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

7. NLC7, sinh năm 1963.

Trú tại: phố 2, thị trấn Hòa T, huyện PH, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

8. NLC8, sinh năm 1959.

Trú tại: tổ 01, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

9. NLC9, sinh năm 1988.

Trú tại: thôn TL1, xã YH, huyện CM, tỉnh BK. Có mặt.

10. BH9, sinh năm 1985.

Trú tại: tổ 2, DH, thị trấn NH, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

11. NLC11, sinh năm 1983.

Trú tại: tổ 2 DH, thị trấn NH, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

12. NLC12, sinh năm 1968.

Trú tại: xã QT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

13. NLC13, sinh năm 1979.

Trú tại: xóm BN, xã DC, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

14. NLC14, sinh năm 1976

Trú tại: xóm XT, xã CT, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

15. NLC15, sinh năm 1985.

Trú tại: xã BH, huyện NB, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

16. NLC16, sinh năm 1985.

Trú tại: tổ 03, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và BH20 biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng vào nhu cầu xin việc làm của nhiều người trong địa bàn tỉnh Cao Bằng, Đặng Thị VA – Sinh năm 1980, trú tại: Tổ 21, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng và Nguyễn Thị M - Sinh năm 1970, trú tại Tổ 6, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, mặc dù cả hai không có khả năng xin được việc làm cho người khác, nhưng VA và M đã tự giới thiệu mình có mối quan hệ quen biết với nhiều lãnh đạo trong tỉnh, cũng như ngoài tỉnh để tạo lòng tin và nói : “...có khả năng xin được việc làm, xin đi học, xin chuyển vùng...” rồi nhận hồ sơ, nhận tiền của nhiều người, sau đó đã chiếm đoạt tiền để chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

*** Đối với Đặng Thị VA:**

Lần thứ 1: Tháng 6/2014, BH1 - sinh năm 1958, trú tại tổ 04 phường SH, thành phố CB, gặp VA và nói chuyện về việc đang muốn tìm việc làm cho con trai, VA đã nói mình có khả năng xin được làm cho con trai ông BH1 vào làm lái xe tại cơ quan nhà nước trong tỉnh Cao Bằng, với giá là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Sau đó VA yêu cầu ông BH1 làm hồ sơ để nộp cho VA. Ngày 22/6/2014, ông BH1 đã đưa cho VA 01 bộ hồ sơ cùng với 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), để lo xin việc cho con trai ông BH1. Khi nhận tiền, VA viết giấy vay tiền và hứa hẹn với ông BH1 là: “chậm nhất là cuối năm 2015 con trai ông BH1 sẽ được đi làm, nếu không được sẽ trả lại tiền”. Nhưng sau đó không

thấy con trai được đi làm, ông BH1 đã nhiều lần tìm VA để đòi tiền nhưng chỉ được trả lại 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn lại 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). VA không trả lại cho ông BH1 mà đã chiếm đoạt.

Lần thứ 2: Đầu năm 2015, BH2 - sinh năm 1983, trú tại xóm ĐQ, xã HD, thành phố CB, trong một lần ngồi uống nước với bạn tại một quán ven đường, BH2 đã gặp VA. Qua câu chuyện VA tự giới thiệu mình có khả năng xin chuyển vùng công tác trong ngành Y dược, BH2 nói: “muốn chuyển công tác từ trạm y tế huyện BL, tỉnh Cao Bằng ra trạm y tế huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng”, VA nói: “chuyển công tác như vậy là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng)” và VA có yêu cầu BH2 làm 01 bộ hồ sơ. Ngày 30/4/2015 và ngày 10/5/2015, BH2 đã đưa cho VA 01 bộ hồ sơ và 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), để VA lo chuyển công tác cho BH2. Khi nhận tiền, VA viết giấy vay tiền và hứa với BH2 là: “đến tháng 12/2015, BH2 sẽ được chuyển công tác, nếu không được chuyển công tác sẽ trả lại số tiền”. Nhưng sau đó không thấy được chuyển công tác, BH2 đã nhiều lần tìm VA để đòi lại tiền, nhưng VA chỉ trả cho BH2 được 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), còn 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), VA đã chiếm đoạt của BH2.

Lần thứ 3: Cũng bằng thủ đoạn trên, ngày 20/4/2016 và ngày 05/5/2016, Đặng Thị VA đã nhận 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và 01 bộ hồ sơ của vợ chồng ông BH3' - sinh 1965 và bà BH3 - sinh năm 1969, trú tại tổ 02 thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng, để VA xin đi học cho con trai của vợ chồng ông BH3'. Khi nhận tiền, VA có viết giấy vay tiền và hứa: “đến tháng 10/2016 con trai bà BH3 sẽ được đi học, nếu không xin được đi học thì sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận”. Đến ngày hẹn, không thấy con trai được đi học, bà BH3 đã yêu cầu VA trả lại tiền. Sau nhiều lần đòi, VA có trả cho bà BH3, ông BH3' số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Còn lại số tiền 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng), VA đã chuyển cho Nguyễn Thị M, trú tại thị trấn Hòa T, huyện PH, tỉnh Cao Bằng số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và 01 bộ hồ sơ để nhờ M xin cho con bà BH3 đi học tại Học viện quân sự, nhưng M cũng không xin được cho con bà BH3 đi học, mà sử dụng 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) để chi tiêu cá nhân. Còn 50.000.000đ (năm

mười triệu đồng) triệu đồng, VA giữ lại và chiếm đoạt của vợ bà BH3, ông BH3’.

Lần thứ 4: Ngày 07/6/2016, VA đã nhận 01 bộ hồ sơ và số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) của ông BH4 - sinh năm 1964, trú tại xã QT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng, để lo xin việc làm cho con gái. Khi nhận tiền, VA cũng viết giấy vay tiền và hứa là: “tháng 11/2016, con gái của BH4 sẽ được đi làm, nếu không được đi làm, thì sẽ trả lại hết số tiền đã nhận”. Sau khi nhận được tiền, VA không thực hiện như đã hứa mà chiếm đoạt 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) của ông BH4.

Lần thứ 5: Ngày 29/9/2016 và ngày 22/11/2016, VA nhận 01 bộ hồ sơ xin việc và 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) của ông BH5 - sinh năm 1970, trú tại xã HQ, huyện QU, tỉnh Cao Bằng, xin cho con trai ông BH5 đi làm. Khi nhận tiền, VA viết giấy vay tiền và hứa hẹn với BH5: “đến tháng 02/2017, con trai của BH5 sẽ được đi làm”. Quá thời gian như đã hứa, ông BH5 đã gặp VA để đòi tiền nhiều lần, nhưng không được. Hiện nay VA vẫn chiếm đoạt số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) của ông BH5.

Lần thứ 6: Ngày 28/10/2016 và ngày 08/11/2016, VA đã nhận 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) của bà BH6, sinh năm 1958, trú tại tổ 01, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, để xin việc cho con gái của bà BH6. Sau khi nhận tiền, VA có viết giấy vay tiền, đồng thời VA đưa cho BH6 một bộ hồ sơ để kê khai và hứa với BH6: “đến tháng 12/2016 con gái của bà BH6 sẽ được đi làm”. Quá thời gian như đã hứa, không thấy con gái được đi làm, bà BH6 đã tìm VA để đòi tiền. Sau nhiều lần đòi, VA có trả lại cho BH6 được 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng), số còn lại 163.000.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu đồng), VA vẫn chiếm đoạt của bà BH6.

Lần thứ 7: Ngày 18/12/2016 và ngày 22/12/2016, VA nhận 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và 01 bộ hồ sơ của ông BH7 - sinh năm 1987, trú tại xã Đức H, huyện TK, tỉnh Cao Bằng, để xin chuyển công tác cho BH7. Sau đó, VA có viết giấy vay tiền và hứa hẹn với BH7 là: “đến tháng 6/2017, BH7 sẽ được chuyển công tác, nếu không được chuyển công tác thì sẽ trả lại số tiền đã nhận”. Quá thời gian như đã hứa, thấy không được chuyển công tác, BH7 đã nhiều lần

tìm VA để đòi lại tiền, nhưng không được, hiện nay VA vẫn chiếm đoạt 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) của BH7.

Lần thứ 8: Ngày 03/01/2017, VA đã nhận 85.000.000đ (tám mươi năm triệu đồng) của ông BH8 - sinh năm 1959, trú tại xã Phan T, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, để xin cho con gái của ông BH8 đi làm tại trạm y tế xã HA1, huyện BL. Khi nhận tiền, VA có viết giấy vay tiền và hứa hẹn với BH8: “đến tháng 4/2017, con gái của ông BH8 sẽ được đi làm, nếu không được đi làm, thì trả lại số tiền đã nhận”. Quá thời gian như đã hứa, không thấy con gái được đi làm, ông BH8 đã nhiều lần gặp VA để đòi tiền, nhưng VA vẫn không trả lại tiền cho ông BH8.

Lần thứ 9: Ngày 04/01/2017 và ngày 03/4/2017, VA đã nhận 01 bộ hồ sơ và 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) của bà BH9 - sinh năm 1985, trú tại tổ 2, DH, thị trấn NH, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng, để xin chuyển công tác cho BH9. Khi nhận tiền, VA viết giấy vay tiền với BH9 và hứa trong năm 2017 BH9 sẽ được chuyển công tác, nếu không được chuyển công tác thì sẽ trả lại số tiền đã nhận. Đến hẹn, không thấy được chuyển công tác, BH9 nhiều lần gặp VA để đòi tiền, nhưng VA chỉ hứa hẹn, không trả lại tiền, vẫn chiếm đoạt 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) của BH9.

Lần thứ 10: Ngày 11/01/2017, VA nhận 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và 01 bộ hồ sơ của bà BH10 - sinh năm 1981, trú tại tổ 23, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, để xin chuyển công tác vào Trung tâm Y tế thành phố CB. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, VA có viết giấy vay tiền và hứa hẹn với bà BH10 đến tháng 6/2017, BH10 sẽ được chuyển công tác, nếu không được chuyển công tác thì sẽ trả lại tiền đã nhận. Đến hẹn không thấy được chuyển công tác, BH10 đã nhiều lần gặp VA để đòi tiền, VA trả lại cho BH10 được 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng), còn lại 125.000.000đ (một trăm hai mươi năm triệu đồng) VA chiếm đoạt của BH10.

Lần thứ 11: Ngày 25/10/2017, VA đã nhận 01 bộ hồ sơ và 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) của bà BH11 - sinh năm 1966, trú tại huyện TA, tỉnh Cao Bằng, xin việc cho con của bà BH11 đi làm giáo viên ở huyện TA. VA viết giấy vay tiền với bà BH11 và hứa hẹn đến tháng 02/2018, con gái bà BH11 sẽ được đi làm. Quá thời gian như đã hứa, không thấy con gái được đi làm nên

bà BH11 đã nhiều lần đi tìm VA để đòi tiền, nhưng VA không trả lại số tiền trên của bà BH11.

Lần thứ 12: Ngày 24/5/2017, VA nhận 140 triệu đồng và 01 bộ hồ sơ của bà BH12 - sinh năm 1987, trú tại xã LL, huyện TA, tỉnh Cao Bằng, để xin chuyển công tác cho bà BH12 và hứa hẹn đến tháng 9/2017 sẽ được chuyển công tác, nếu không được chuyển công tác, sẽ trả số tiền đã nhận. Đến hẹn không thấy được chuyển công tác, bà BH12 đã gặp VA nhiều lần để đòi tiền, VA trả cho bà BH12 được 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), còn lại 127.000.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu đồng), VA đã chiếm đoạt của bà Vân.

Lần thứ 13: Ngày 13/7/2017, VA đã nhận 01 bộ hồ sơ và 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) của bà BH13 - sinh năm 1975, trú tại xã HĐ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng để xin cho con gái bà BH13 đi làm trong ngành Y tế của tỉnh Cao Bằng. Sau khi nhận tiền, VA hẹn với BH13 là tháng 11/2017 con gái bà BH13 sẽ được đi làm. Đến hẹn không thấy con gái được đi làm, bà BH13 đã nhiều lần tìm VA để đòi tiền. Hiện nay VA vẫn chiếm đoạt 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) của bà BH13.

Lần thứ 14: Ngày 28/8/2017, ngày 29/8/2017 và ngày 29/01/2018, VA đã nhận 01 bộ hồ sơ xin việc và 155.000.000đ (một trăm năm mươi năm triệu đồng) của anh BH14 sinh năm 1991, trú tại LV, thị trấn Thông N, huyện Thông N, tỉnh Cao Bằng, để xin việc cho BH14 đi làm giáo viên. Khi nhận tiền, VA hứa hẹn là tháng 4/2018, BH14 sẽ được đi làm, nếu không được đi làm thì sẽ trả lại hết số tiền đã nhận. Quá thời gian như đã hứa, thấy không được đi làm, BH14 đã tìm VA để đòi tiền nhiều lần. Hiện nay VA còn chiếm đoạt số tiền 155.000.000đ (một trăm năm mươi năm triệu đồng) của BH14.

Lần thứ 15: Tháng 8/2017, BH15, trú tại tổ 16, phường SH, thành phố CB, có nói chuyện với Nông Công T2 - trú tại xã CT, huyện TK, tỉnh Cao Bằng, qua nói chuyện, biết VA có khả năng xin được làm giáo viên tại thành phố CB với giá là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng)/01 suất, nếu muốn đi làm thì làm 01 hồ sơ nộp cho VA. Ngày 31/8/2017, ngày 18/10/2017 và ngày 17/01/2018, VA nhận 01 bộ hồ sơ và 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) của vợ chồng BH15 - L để xin việc làm cho vợ của BH15 đi làm giáo viên

tại thành phố CB. VA hứa hẹn với BH15 là tháng 02/2018, vợ BH15 sẽ được đi làm, nếu không được đi làm thì sẽ trả lại số tiền đã nhận. Tuy nhiên quá thời gian như đã hứa hẹn mà vẫn không thấy vợ mình được đi làm nên BH15 đã gặp VA nhiều lần để đòi tiền, VA trả cho BH15 được 4.000.000đ (bốn triệu đồng), hiện nay VA còn chiếm đoạt số tiền 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng) của BH15.

Lần thứ 16: Trong các ngày 18,19, 20 tháng 12/2017, VA nhận 01 bộ hồ sơ và 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng) của BH16 - sinh năm 1991, trú tại ĐN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng, để xin chuyển công tác cho BH16. Sau đó VA có viết giấy vay tiền cho BH16 và hứa đến tháng 4/2018, BH16 sẽ được chuyển công tác. Nhưng mãi sau đó không thấy được chuyển công tác, BH16 đã đi tìm VA để đòi tiền, nhưng không được. Hiện nay VA còn chiếm đoạt số tiền 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng) của BH16.

Lần thứ 17: Ngày 27/02/2018, ngày 07/3/2018 và ngày 11/4/2018, VA đã nhận 01 bộ hồ sơ và 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) của ông BH17 - sinh năm 1967, trú tại NĐ, MK, TA, Cao Bằng, xin việc làm cho con trai ông BH17. Khi nhận tiền, VA hứa hẹn với BH17 là tháng 4/2018 con trai ông BH17 sẽ được đi làm, nếu không được đi làm thì sẽ trả lại hết số tiền đã nhận. Tuy nhiên sau đó, con trai ông BH17 được đi làm tại Trung tâm Phát triển quỹ đất và Giải phóng mặt bằng thành phố CB, công việc của Bắc không như theo thỏa thuận, nên BH17 đòi lại tiền từ VA, do VA chưa trả được, nên BH17 đã làm đơn tố cáo VA đến cơ quan Cảnh sát điều tra. Ngày 02/10/2018, ông BH17 đến cơ quan Cảnh sát điều tra làm đơn xin rút lại đơn tố cáo VA và không đòi số tiền 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) BH17 đã đưa và cũng không khiếu kiện gì thêm.

Lần thứ 18: Ngày 11,12 tháng 6/2018, VA nhận 02 bộ hồ sơ và 75.000.000đ (bảy mươi năm triệu đồng), là tiền đặt cọc của BH18 - sinh năm 1990, trú tại AM, Tam K, NB, Cao Bằng, để xin việc làm cho em gái BH18 đi làm tại Trung tâm Phát triển quỹ đất và Giải phóng mặt bằng huyện TL và vợ của BH18 đi làm tại Trung tâm Phát triển quỹ đất và Giải phóng mặt bằng thành phố CB. Sau khi nhận tiền, VA hứa hẹn với BH18 là tháng 6/2018 sẽ được đi làm, nếu không được đi làm thì sẽ trả lại số tiền đã nhận. Đến hẹn không thấy

được đi làm, BH18 đã gặp VA nhiều lần để đòi tiền, nhưng VA không trả, mà chiếm đoạt số tiền 75.000.000đ (bảy mươi năm triệu đồng) của BH18.

Lần thứ 19: Ngày 09/4/2018 và ngày 17/4/2018, VA đã nhận 01 bộ hồ sơ và 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) của ông BH19 - sinh năm 1973, trú tại xã Quang T, huyện NB, tỉnh Cao Bằng, để xin việc làm cho con gái ông BH19, tại Trung tâm Phát triển quỹ đất và Giải phóng mặt bằng huyện TA. Khi nhận tiền, VA có viết giấy vay tiền và hứa hẹn với ông BH19 là tháng 6/2018 sẽ được đi làm, nếu không được đi làm thì sẽ trả lại hết số tiền đã nhận. Đến hẹn, không thấy con gái được đi làm, BH19 đã gọi điện, tìm gặp VA nhiều lần để đòi tiền, nhưng không được, hiện nay VA chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) của ông Chu.

Lần thứ 20: Tháng 4/2018, bà BH20 - sinh năm 1972, trú tại NR, Tam K, huyện NB, tỉnh Cao Bằng có nghe điện thoại của con gái là CG nói NLC16 (cô họ) trú tại: tổ 3, phường SH, thành phố CB, có quen biết VA và VA có khả năng xin được việc làm, BH9 cho CG số điện thoại của VA. Sau đó CG gọi điện cho VA nhờ xin việc làm, VA nói hiện nay có suất đi làm tại Trung tâm Phát triển quỹ đất và Giải phóng mặt bằng huyện NB, Cao Bằng, với giá là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và làm hồ sơ nộp cho VA. Ngày 21/4/2018 và ngày 28/4/2018, VA nhận 01 bộ hồ sơ và 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) với bà BH20 và CG, để xin việc làm cho CG. Khi nhận tiền, VA viết giấy vay tiền và hứa hẹn với bà BH20 là tháng 6 năm 2018 sẽ được đi làm, nếu không được đi làm sẽ trả lại số tiền đã nhận. Nhưng đến hẹn không thấy được đi làm, bà BH20 đã gọi điện cho VA để đòi tiền nhưng VA không trả, mà chiếm đoạt của bà BH20 số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Như vậy: Đặng Thị VA đã nhận tiền và hồ sơ xin việc của 20 bị hại (trong đó có 01 trường hợp xin rút đơn tố cáo). Sau khi nhận tiền và hồ sơ Đặng Thị VA không xin cho trường hợp nào được đi học, đi làm hay chuyển vùng công tác mà đã chiếm đoạt tiền của 19 bị hại với tổng số tiền là: **1.814.000.000đ** (một tỉ tám trăm mười bốn triệu đồng).

*** Đối với Nguyễn Thị M:**

Lần thứ 1: Tháng 6 đến tháng 8/2013, BH21 sinh năm 1974, trú tại thị trấn HT, huyện PH, tỉnh Cao Bằng, có nói chuyện với M muốn xin cho con trai

đi học tại trường Văn hóa 1 Bộ Công an, M tự giới thiệu mình có khả năng xin được cho con trai chị BH21 đi học, giá cho 01 suất đi học là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), M yêu cầu làm 01 bộ hồ sơ đưa cho M. Sau đó chị BH21 đến nhà M đưa cho M 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và 01 bộ hồ sơ để M lo xin cho con đi học. Khi nhận tiền, M có viết giấy nhận tiền và hứa hẹn với BH21 là cuối năm 2013 con trai sẽ được đi học, nếu không được đi học thì sẽ trả lại hết số tiền đã nhận. Đến ngày hẹn không thấy con trai được đi học, BH21 đã đến gặp M để đòi tiền, sau nhiều lần đòi tiền M đã trả lại cho BH21 được 455.000.000đ (bốn trăm năm mươi năm triệu đồng), còn lại số tiền 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng), BH21 đồng ý cho M trả dần, đến nay BH21 biết M đã bị bắt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và BH21 không yêu cầu M trả lại số tiền 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) mà M còn nợ và cũng không có khiếu kiện gì thêm.

Lần thứ 2: Tháng 10/2013, ông BH22- sinh năm 1965, trú tại tổ 11, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, nói chuyện với M (M là chị họ của BH22) muốn xin cho cháu trai đi học tại trường Trung cấp Công an nhân dân, M nói mình có khả năng xin được cho cháu trai của BH22 đi học, giá cho 01 suất đi học là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Ngày 07/11/2013, BH22 chuyển cho M số tiền đặt cọc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Sau đó các ngày 04/6/2014, 18/7/2014, 25/7/2014, 29/8/2014, ông BH22 tiếp tục chuyển khoản cho M với tổng số tiền là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), tổng cộng 05 lần, BH22 chuyển khoản cho M là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Do là chị em họ nên ông BH22 và M không viết giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng, M hứa hẹn với BH22 là cuối năm 2014 cháu sẽ được đi học, nếu không được đi học thì sẽ trả lại số tiền đã nhận. Tuy nhiên quá thời gian như đã hứa hẹn mà không thấy có giấy gọi đi học nên ông BH22 đã nhiều lần đến gặp M để đòi tiền thì M trả lại cho ông BH22 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), còn lại M đã chiếm đoạt của ông BH22 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Lần thứ 3: Ngày 10/6/2014 và ngày 20/10/2014, M nhận 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) của ông BH23 - sinh năm 1971, trú tại thị trấn Tà L, huyện PH, Cao Bằng, để xin cho con của ông BH23 đi học tại Trường trung cấp

phòng cháy chữa cháy của Bộ Công an. Khi nhận tiền, M có viết giấy nhận tiền và hứa hẹn với ông BH23 là trong tháng 10/2014 sẽ được đi học, nếu không được đi học thì sẽ trả lại số tiền đã nhận. Quá thời gian như đã hứa mà không thấy giấy gọi đi học nên ông BH23 đã nhiều lần gọi điện và đến gặp M để đòi tiền. M đã trả lại được cho ông BH23 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), còn 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), M đã chiếm đoạt của ông BH23.

Lần thứ 4: M biết bà BH24 - sinh năm 1971, trú tại BC, HT, huyện PH, Cao Bằng, có nhu cầu muốn xin cho con trai đi học, nên M nói mình có khả năng xin được cho con trai BH24 đi học tại trường Trung cấp Biên phòng, với số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Sau đó BH24 đến nhà M đưa cho M số tiền đặt cọc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để M lo cho con của BH24 đi học. Khi nhận tiền, M có viết giấy nhận tiền và hứa hẹn với BH24 là tháng 8/2014 con trai sẽ được đi học. Nhưng mãi sau đó không thấy con trai được đi học, BH24 đã liên lạc và đến gặp M để đòi tiền, sau nhiều lần đòi tiền, M đã trả lại được cho BH24 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), còn lại số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) BH24 cho M trả dần. Hiện nay BH24 không yêu cầu M trả số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) M còn nợ và cũng không có khiếu kiện gì thêm.

Lần thứ 5: Tháng 4/2016, Đặng Thị VA gặp M và nói chuyện về việc muốn xin cho cháu Hoàng Trường G - trú tại tổ 2, thị trấn HQ huyện Trảng Lớn, tỉnh Cao Bằng, đi học tại trường Học viện Khoa học quân sự. M nói mình có khả năng xin được cho G đi học và giá cho 01 suất là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và làm 01 bộ hồ sơ để nộp cho M. Ngày 21/4/2016, VA đưa cho M số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để đặt cọc và tiếp theo các ngày 11/5/2016, 31/5/2016, 25/7/2016, 08/8/2016, 25/8/2016, 06/9/2016, VA tiếp tục đưa cho M với tổng số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), tổng cộng 7 lần VA đưa cho tiền cho M là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và 01 bộ hồ sơ. Khi nhận tiền M có viết giấy nhận tiền và hứa hẹn với VA là cuối tháng 9/2016, cháu G sẽ được đi học, nếu không được đi học thì sẽ trả lại số tiền đã nhận. Nhưng sau đó M không xin được cho G đi học, VA liên lạc tìm M để đòi tiền, nhưng không gặp được vì M đã bỏ trốn, hiện nay số tiền M chiếm đoạt của VA là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Như vậy, Nguyễn Thị M đã nhận tiền và hồ sơ xin đi học của 05 trường hợp, với số tiền là 1.800.000.000đ (một tỉ tám trăm triệu đồng) nhưng sau khi nhận tiền và hứa hẹn xin đi học đối với 05 bị hại, M đã không xin được cho ai và đã trả lại cho các bị hại được 875.000.000đ (tám trăm bảy mươi năm triệu đồng) và đến nay trong số 05 trường hợp mà M đã nhận tiền, nhận hồ sơ, thì có 02 trường hợp (BH21 và BH24) không yêu cầu M trả lại số tiền M còn nợ tổng là 75.000.000đ (bảy mươi năm triệu đồng) và cũng không khiếu kiện đối với M. Tổng số tiền M đã chiếm đoạt của 03 trường hợp là **850.000.000đ** (tám trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị M khai nhận: Năm 2012, M có nộp số tiền 460.000.000đ (bốn trăm sáu triệu đồng) và 01 bộ hồ sơ cho bà Dương Thị N3- trú tại LS, SC, TNg, công tác tại trường Văn hóa 1 Bộ Công an, xin được đi học cho trường hợp Lý Ngọc X - con của bà Nguyễn Thị E (trú tại: huyện PH, tỉnh Cao Bằng) vào học tại trường Văn hóa 1 Bộ Công an.

Năm 2013, M nộp 01 bộ hồ sơ nhưng chưa đưa tiền (01 suất là 460.000.000đ (bốn trăm sáu triệu đồng) cho Trần Quốc D1 (con rể bà N3) trú tại LS, SC, TN3, công tác tại trường Văn hóa 1 Bộ Công an, để D1 xin cho cháu Lục Trung K - con ông Lục Văn K1 (trú tại huyện PH, tỉnh Cao Bằng) đi học tại trường Học viện Khoa học quân sự, sau đó K đã được đi học.

M khai khi đưa hồ sơ và số tiền 460.000.000đ (bốn trăm sáu triệu đồng) cho bà N3, để xin cho con của BH21 (trú tại: huyện PH, tỉnh Cao Bằng), nhưng bà N3 không xin được, đã trả lại cho M bộ hồ sơ, còn số tiền 460.000.000đ (bốn trăm sáu triệu đồng) thì bà N3 chuyển cho D1 (con rể bà N3) vì D1 đã xin được đi học cho trường hợp của Lục Trung K. Khoảng tháng 6 - tháng 7/2014, M đến chi nhánh Ngân hàng và Phát triển nông thôn huyện PH, tỉnh Cao Bằng, gửi tiền vào tài khoản của D1 (không nhớ rõ số tài khoản) số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) để đặt cọc xin đi học cho 03 trường hợp con của BH24, BH23 và cháu của BH22. Tuy nhiên, D1 không xin đi học được cho 03 trường hợp trên và cũng không trả lại cho M số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 21/9/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra gửi Công văn số: 1023/CV-PC01 đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng, xác

minh về việc giao dịch của M tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện PH, tỉnh Cao Bằng, để gửi số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của Trần Quốc D1 hay M có gửi số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của người nào khác không. Ngày 27/9/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng có Công văn số: 4100/NHN-KTKS, trả lời trong khoảng thời gian từ tháng 1/2013 đến tháng 12/2016, không có khách hàng nào tên Nguyễn Thị M gửi số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho D1 và M cũng không chuyển số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho người nào khác.

Hành vi trên đây của Đặng Thị VA, Nguyễn Thị M đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 43/CTr-VKSCB(P2) ngày 25/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Đặng Thị VA, Nguyễn Thị M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị VA khai: Bị cáo công tác tại Liên đoàn lao động tỉnh Cao Bằng, công việc của bị cáo là Phó trưởng ban chính sách – Pháp luật. Không có chức năng tuyển dụng cán bộ, không có chức năng chuyển vùng công tác. Do bị cáo cần tiền để làm ăn, sử dụng chi tiêu cá nhân, nên khoảng thời gian từ năm 2014 đến đầu năm 2018, bị cáo đã nói với mọi người rằng: “bị cáo có khả năng xin được việc làm, có khả năng xin chuyển vùng và có khả năng xin được đi học tại các trường quân đội, trường công an”. Cụ thể, bị cáo đã nhận hồ sơ, nhận tiền của 20 người, như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Nay bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị M khai: Bị cáo nhận tiền của chị Đặng Thị VA tất cả là 7 lần, với số tiền tổng 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) để xin đi học cho cháu Hoàng Văn G đi học trường quân sự. Bị cáo yêu cầu: “khi được đi học, sẽ đưa thêm 100 triệu”. Sau khi cầm tiền, bị cáo xuống trường Văn hóa 1- Bộ công an để đưa hồ sơ, nhưng họ nói là năm nay khó, nên bị cáo cầm

hồ sơ và tiền quay về, nhưng không nói lại với VA. Bị cáo hứa với VA rằng đến tháng 9/2016 sẽ được đi học. Số tiền trên, bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngoài ra khoảng năm 2013, bị cáo có nhận tiền của anh BH22 (công tác tại Công an tỉnh Cao Bằng) để xin cho cháu của anh BH22 đi học trường trung cấp cảnh sát với số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); Nhận 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) của anh BH23 (công tác tại nhà máy đường PH) để xin cho con trai của anh BH23 đi học; Nhận 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) với chị BH21 (trú tại thị trấn HT, huyện PH) và 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) của chị BH24 (trú tại thị trấn HT, huyện PH) nhưng không được trường hợp nào. Sau đó bị cáo có trả lại cho anh BH22 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), anh BH23 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), chị BH21 455.000.000đ (bốn trăm năm mươi năm triệu đồng) và chị BH24 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa hôm nay 19 bị hại đều khẳng định: Các bị cáo đã đưa ra các thông tin là: “Các bị cáo có khả năng xin việc vào làm tại các cơ quan Nhà nước, Có khả năng xin chuyển vùng, có khả năng xin được đi học tại các trường quân sự” và các bị cáo đã chủ động gọi điện, thậm chí còn trực tiếp đến nhà của các bị hại để yêu cầu đưa tiền, đưa hồ sơ. Sau khi đưa tiền và hồ sơ xin việc cho các bị cáo, chờ mãi không thấy được đi làm, nên đã tìm gặp các bị cáo để đòi lại tiền, nhưng các bị cáo đều khất lần, không chịu trả. Nay các bị hại đều yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm trả lại số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt, về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để xử phạt các bị cáo nghiêm minh để giáo dục các bị cáo và răn đe người khác.

Những người làm chứng đều khai: Nghe VA nói “có người quen nào nhờ xin việc, xin chuyển vùng,... thì giới thiệu cho VA” do tin tưởng VA nên đã giới thiệu VA cho bạn bè, người thân có nhu cầu xin việc, không được nhận tài sản hay lợi ích gì từ VA.

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Đặng Thị VA, Nguyễn Thị M về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a, khoản 4, Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Đặng Thị VA. Xử phạt bị cáo Đặng Thị VA từ 17 đến 18 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị M. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 12 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm trả lại tiền cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Về Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ bào chữa: Nhất trí với quyết định truy tố và bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Bố đẻ của các bị cáo đều có công trong cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước, được chủ tịch nước tặng thưởng huân chương. Trong quá trình công tác, các bị cáo đã có nhiều thành tích xuất sắc, được tặng thưởng nhiều bằng khen. Bị hại BH17 đã rút đơn tố cáo bị cáo Đặng Thị VA; Các bị hại BH21, BH24 không khiếu kiện bị cáo M và không yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền còn nợ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với bản luận cứ bào chữa của luật sư, không trình bày bổ sung và không có ý kiến tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về hòa nhập với xã hội. Các bị cáo hứa sẽ tác động gia đình để khắc phục phần nào hậu quả cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập phản ánh trong hồ sơ vụ án. Thể hiện: Các bị cáo Đặng Thị VA, Nguyễn Thị M, không có khả năng xin việc, nhưng các bị cáo đã dùng những thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin không đúng sự thật, nói dối mọi người là bản thân có nhiều mối quan hệ rộng, quen biết với các lãnh đạo tại các cơ quan Nhà nước, có khả năng xin được việc làm, xin được chuyển vùng hoặc xin được đi học... cho những ai có nhu cầu, nhưng phải mất chi phí. Bằng những thủ đoạn gian dối đó, đã làm cho các bị hại tin tưởng, giao tài sản (tiền) cho các bị cáo. Cụ thể:

Đối với bị cáo VA: đã chiếm đoạt tiền của 20 bị hại sau:

- BH1 đưa cho bị cáo 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), đã trả được 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn lại 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).
- BH2 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), đã trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), còn lại 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).
- BH3 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), đã trả 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), còn lại 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng).
- BH4 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- BH5 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).
- BH6 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), đã trả 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng), còn lại 163.000.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu đồng)

- BH7 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- BH8 85.000.000đ (tám mươi năm triệu đồng).
- BH9 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).
- BH10 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), đã trả 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng), còn lại 125.000.000đ (một trăm hai mươi năm triệu đồng).
- BH11 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng)
- BH12 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), đã trả 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), còn lại 127.000.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu đồng).
- BH13 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).
- BH14 155.000.000đ (một trăm năm mươi năm triệu đồng).
- BH15 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), đã trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng), còn lại 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng).
- BH16 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng).
- BH17 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng). (Đã rút đơn tố cáo).
- BH18 75.000.000đ (bảy mươi năm triệu đồng).
- BH19 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).
- BH20 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Bị cáo Đặng Thị VA đã nhận tiền và hồ sơ của 20 bị hại. Có 01 bị hại BH17 rút đơn tố cáo. Còn lại 19 bị hại, với số tiền hiện nay bị cáo chiếm đoạt, chưa trả cho các bị hại là 2.214.000.000đ (hai tỷ hai trăm mười bốn triệu đồng). Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng cho rằng bị cáo VA chiếm đoạt của 19 bị hại số tiền là 1.814.000.000,đ (Một tỷ tám trăm mười bốn triệu) là chưa chính xác.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị M đã chiếm đoạt của các bị hại:

- BH21 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), đã trả 455.000.000đ (bốn trăm năm mươi năm triệu đồng), còn lại 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng).(Đã rút đơn tố cáo)
- BH22 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), đã trả 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), còn lại 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).
- BH23 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), đã trả 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), còn lại 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

- BH24 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), đã trả 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), còn lại 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). (Đã rút đơn tố cáo).

- Đặng Thị VA 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị M nhận tiền và hồ sơ của 05 bị hại, đã có 02 bị hại rút đơn tố cáo. Nay còn 03 bị hại, với số tiền bị cáo chiếm đoạt là 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng).

Từ những phân tích trên, hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức rõ việc dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin không đúng sự thật, để chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng vẫn thực hiện, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị xã hội lên án, ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, làm mất đi hình ảnh, uy tín của cơ quan Nhà nước; làm thiệt hại đến tình hình kinh tế của gia đình các bị hại, mặc dù biết rõ những bị hại chỉ là công chức, làm nghề nông hoặc buôn bán nhỏ, bất chấp cả người thân quen, bị cáo đã cố ý dùng mọi thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt bất chính khoản tiền lớn để phục vụ nhu cầu của cá nhân. Hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đồng thời cũng góp phần cảnh tỉnh sự nhẹ dạ, cả tin của một bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân về việc dùng tiền để xin việc thay cho việc thi tuyển, tuyển dụng theo quy định của Nhà nước.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo:

*** Đối với bị cáo Đặng Thị VA:** Từ nhỏ sống cùng bố mẹ, được bố mẹ nuôi ăn học hết phổ thông. Năm 1998 đến 2002 bị cáo học tại trường Đại học công đoàn Hà Nội. Năm 2003 đến tháng 3/2018 bị cáo công tác tại Liên đoàn lao

động tỉnh Cao Bằng. Năm 2007 bị cáo được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam. Tháng 6/2018 bị cáo thôi việc ở nhà. Đến tháng 7/2018 bị cáo bị đình chỉ sinh hoạt Đảng. Trong vụ án này, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, quy tắc đạo đức của xã hội, để lừa đảo chiếm đoạt khoản tiền lớn của nhiều bị hại và bị cáo Nguyễn Thị M cũng chiếm đoạt của bị cáo số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Trong quá trình công tác, bị cáo đã đạt được nhiều thành tích trong công việc, bố của bị cáo được chủ tịch nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống mỹ cứu nước. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, điểm v khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng: không có.

** Đối với bị cáo Nguyễn Thị M:* Từ nhỏ sống cùng gia đình tại huyện TA, tỉnh Cao Bằng. Năm 1989 đến năm 2002 đi Bộ đội, công tác tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng. Năm 2002 đến tháng 7/2016 công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện PH, tỉnh Cao Bằng. Tháng 8/2016 về nghỉ hưu. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Có nhân thân tốt. Bố của bị cáo có công với cách mạng, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: không có.

Xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và quy định của pháp luật, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo, đề nghị của người bào chữa đối với các bị cáo về cơ bản đều nhất trí với quan điểm của Đại diện viện kiểm sát, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận. Xử phạt các bị cáo mức án khởi điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Ngoài hình phạt chính, theo khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, thì bị cáo còn có thể bị phạt hình phạt bổ sung là phạt tiền và tịch thu một phần tài sản. Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho các bị hại, cụ thể:

Bị cáo Đặng Thị VA phải bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là 2.214.000.000,đ. Cụ thể như sau:

- Bồi thường cho BH1 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH2 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH3 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH4 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH5 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH6 163.000.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu đồng)
- Bồi thường cho BH7 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH8 85.000.000đ (tám mươi năm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH9 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH10 125.000.000đ (một trăm hai mươi năm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH11 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng)
- Bồi thường cho BH12 127.000.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu đồng).
- Bồi thường cho BH13 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH14 155.000.000đ (một trăm năm mươi năm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH15 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng).
- Bồi thường cho BH16 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng).
- Bồi thường cho BH18 75.000.000đ (bảy mươi năm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH19 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH20 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị M phải bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là 850.000.000,đ Cụ thể như sau:

- Bồi thường cho BH22 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH23 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).
- Bồi thường cho Đặng Thị VA 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

[5] Về vật chứng vụ án: gồm 02 chiếc điện thoại các bị cáo đã sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước và tịch thu tiêu hủy 01 usb màu đỏ đen, đã qua sử dụng vì không còn giá trị sử dụng.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải bồi thường sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Thị VA, Nguyễn Thị M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thị VA 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 02/7/2018.

- Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 12 (mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 05/7/2018.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo Đặng VA phải bồi thường cho những bị hại với tổng số tiền là 2.214.000.000. Cụ thể:

- Bồi thường cho BH1 (Trú tại: tổ 04, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) Số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho BH2 (Trú tại: xóm ĐQ, xã HĐ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho BH3 (Trú tại: tổ 02, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho BH4 (Trú tại: xã QT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho BH5 (Trú tại: Xóm PN, xã HQ, huyện QU, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho BH6 (Trú tại: tổ 01, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 163.000.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu đồng)

- Bồi thường cho BH7(Trú tại: Xóm NT, xã Đức H, huyện TK, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH8 (Trú tại: Xóm KT, xã Phan T, huyện BL, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 85.000.000đ (tám mươi năm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH9 (Trú tại: tổ 02, DH, thị trấn NH, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH10 (Trú tại: tổ 23, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 125.000.000đ (một trăm hai mươi năm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH11 (Trú tại: Xóm ND, xã Đức L, huyện TA, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng)
- Bồi thường cho BH12 (Trú tại: Xóm MD, xã LL, huyện TA, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 127.000.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu đồng).
- Bồi thường cho BH13 (Trú tại: xã HĐ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH14 (Trú tại: xóm LV, thị trấn Thông N, huyện Thông N, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 155.000.000đ (một trăm năm mươi năm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH15 (Trú tại: tổ 16, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng).
- Bồi thường cho BH16 (Trú tại: xóm KC, xã ĐN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng).
- Bồi thường cho BH18 (Trú tại: xóm AM, xã Tam K, huyện NB, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 75.000.000đ (bảy mươi năm triệu đồng).
- Bồi thường cho BH19 (Trú tại: xóm GD, xã Quang T, huyện NB, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH20 (Trú tại: xóm NR, xã Tam K, huyện NB, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị M phải bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là 850.000.000,đ Cụ thể:

- Bồi thường cho BH22 (Trú tại: tổ 11, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho BH23 (Trú tại: thị trấn Tà L, huyện PH, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho Đặng Thị VA (Trú tại: tổ 21, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án (gồm các bị hại) nếu các bị cáo chưa bồi thường khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

[3]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước vật chứng sau:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung Galaxy7 màu xám bạc, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEL1: 356446083885xxx.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Itet, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEL1: 358175082518xxx.

Xử tịch thu tiêu hủy 01 (một) USB màu đỏ đen, đã qua sử dụng.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số xx1 ngày 01/10/2018.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,0đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.500.000,đ Tổng cộng hai khoản án phí bị cáo phải nộp là 37.700.000đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Đặng Thị VA phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,0đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 76.280.000,đ. Tổng cộng hai khoản án phí, bị cáo phải nộp là 76.480.000đ (Bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và các bị hại; báo cho bị cáo và bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản trích sao án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại giam;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Ương